T010 BD 1 (25) 156 Phật Báo Ân Q6-Kinh Đại Phương Tiện

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN QUYỂN 6 Phẩm 8: ƯU-BA-LY

Bấy giờ, đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán. Lúc đó Tôn giả A-nan nhận thấy trong tâm của đại chúng đều có điểm ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, tại sao Đức Thế Tôn lại nhận cho Ưu-ba-ly, là người hạ tiện, theo Phật xuất gia? Việc đó là sự hủy nhục cho hàng đệ tử Phật, lại khiến cho các dòng Vương tôn quý tộc sinh lòng bất kính, do vậy mà tổn mất phúc điền và cũng khiến cho con vua Bạch Tịnh là Tỳ-kheo Nan-đà sinh lòng khinh mạn? Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng: –Các ông nghe cho kỹ! Các ông có thể nói Như Lai không có lòng bình đẳng, không có tâm đại bi, không có năm trí, không có chánh định, nhưng các ông không được nói rằng Ưu-ba-ly là người hạ tiện, tu tập hạnh hạ tiện, nguyện hạ tiện và tinh tấn hạ tiện. Các ông có thể nói Như Lai còn phiền não, thay đổi không thường, nhưng các ông không được nói Ưu-ba-ly là người hạ tiện đi xuất gia. Như Lai dùng trí nhận biết đúng khắp, mà nói những lời chân thật, vậy các ông nên tin theo lời Phật. Như Lai khi thấy rõ được sự sinh tử là tai họa mà một mình giác ngộ thành Phật, thì Ưu-ba-ly cũng theo Phật

xuất gia, chứng được ba minh, sáu thông và đầy đủ các môn giải thoát, các chúng cõi trời, người đều sinh lòng ngưỡng mộ. Ưu-ba-ly là người giữ luật vào bậc nhất, hộ trì chánh pháp xứng đáng lãnh nhận sự cúng dường, khiến cho chúng sinh thành tựu được ba thứ diệu quả, nghĩa là: quả báo ở đời này, đời sau và nhiều kiếp sau nữa. Bởi thế, các ông nên biết, Ưu-ba-ly là một vị Bồtát đại bi, có những công hạnh kỳ đặc vi diệu. Ở những kiếp quá khứ với vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật. Ưu-ba-ly đã từng vun trồng các cội công đức, trong giáo pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni, Ưu-ba-ly cũng là người trì luật thứ nhất. Khi nghe Phật tán thán mật hạnh của Tôn giả Ưuba-ly, Tỳ-kheo Nan-đà mới khởi tâm cung kính, liền đứng dậy đến lễ Tôn giả Đại Kiều-trần-như và lần lượt các vị đệ tử khác. Nhưng khi đến trước Tôn giả Ưu-baly thì Nan-đà chỉ cúi đầu, rồi ngẩng lên và chắp tay đứng nhìn. Lúc đó, Đức Như Lai vì Nan-đà nói kệ: Nan-đà, phải nên biết Chớ khinh người nghèo cùng Đừng cậy mình giàu sang Xuất gia không phân biệt. Nan-đà nghe Phật chỉ dạy những điều lợi lạc, sinh lòng vui mừng, liền sửa lại y phục, rồi cúi đầu lễ chân Tôn giả Ưu-ba-ly. Lúc ấy trời đất đều rung động. Nanđà thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàng tức thì chứng được đạo quả A-la-hán mà vào địa vị của bậc Vô học. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly: –Ông hãy thuyết pháp, nói rõ sự sai khác về Tam bảo, pháp Tứ đế, về tại gia, xuất gia, về thất chúng…

nghĩa là ông hãy nói về Tam quy, Ngũ giới cho đến tất cả các giới, về giới làm lợi ích chúng sinh, giới diệt trừ phiền não, giới điều trị thân tâm, giới thiền định và giới vô lậu…, để làm cho ngôi Tam bảo được hưng thịnh. Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, nhờ sức uy thần của Như Lai tiếp dẫn, hộ niệm, con xin hỏi Thế Tôn một vài điều không hiểu. Nói xong, ngài tự suy nghĩ: “Thế nào là Tam bảo: Phật, Pháp

và Tăng? Tam bảo nếu không có bản chất thì làm thế nào phân biệt mà nói được? Pháp, Tăng cũng khác nhau, vậy nếu quy y Tam bảo thì phụng hành thế nào? Còn Tam quy nếu chỉ là một thì không thể nói có ba, nếu nói Tam quy thì tại sao lại có bảy chúng khác nhau?" Tự suy nghĩ thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly mới bạch Phật: –Bạch Thế Tôn, nương nhờ về đâu mà gọi là quy y Phật? Khi ấy Đấng Đại Giác Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba- ly: –Phật là người đã giác ngộ, thấu suốt cả hai phần "tánh" và "tướng" của tất cả các pháp. Lại nữa, tất cả chúng sinh đang mê muội trong ba cõi, Phật đã đạt được đạo nhãn, tự mình đã thức tỉnh, lại thức tỉnh cho những chúng sinh còn mê muội kia, bởi thế mới gọi là giác. Phật đã thấu suốt tất cả mọi pháp và có thể thuyết minh về tất cả các pháp. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: –Thế nào gọi là Phật thuyết giảng về tất cả các

pháp? Phật tùy thời cơ, thích ứng với chúng hội mà thuyết, hay chỉ thuyết cho từng nhóm người thôi? Phật đáp: –Phật theo căn tánh của chúng sinh và tùy thời cơ mà thuyết các pháp. Sau này các đệ tử kết tập Pháp tạng sẽ chia ra từng bộ loại một. Khi Phật thành đạo, vì các đệ tử mà nói ra giới luật, có giới khinh giới trọng, hữu tàng và vô tàng, kết tập thành Luật tạng. Khi Như Lai nói về nhân quả, tội phúc, các thứ ràng buộc, phiền não và các nghiệp nơi thân, khẩu, ý thì kết thành Luận tạng. Như Lai vì hàng trời, người, tùy thời thuyết pháp để khuyên họ tu tập, nói ra bộ Tăng nhất A-hàm. Sau lại vì những chúng sinh thông minh, nói các pháp cao sâu, gọi là Trung A-hàm, để cho những người có lợi căn theo đó mà tu tập. Sau nữa, nói các phép tọa thiền cho những người tu thiền định học tập, nên mới thành bộ Tạp A-hàm. Sau hết, vì phá trừ tà kiến của ngoại đạo mà nói ra bộ Trường A-hàm. Tất cả bốn bộ loại đó, sau kết tập thành Kinh tạng. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu Phật đã nói tất cả các pháp, thì tại sao một hôm Phật ngồi bên gốc cây, bốc một nắm lá hỏi các đệ tử là lá trong tay Phật nhiều hơn hay là lá trên cây nhiều hơn? Các đệ tử đều trả lời lá trên cây nhiều hơn. Lúc đó Phật bảo các đệ tử rằng, tất cả các pháp Phật đã thấu suốt cũng nhiều như lá trên cây. Còn các pháp Phật đã nói chỉ là lá trong bàn tay mà thôi. Vậy làm sao có thể nói là Phật đã thuyết tất cả pháp? Phật trả lời: –Tất cả các pháp đều có "biệt tướng" và "tổng

tướng". Như Lai nói đã thuyết tất cả các pháp là nói về phần "biệt tướng" chứ không phải "tổng tướng". Không phải Như Lai không nói được phần "tổng tướng", nhưng nếu Như Lai nói phần "tổng tướng" thì chúng sinh không thể lãnh hội hết được. Các ông nên biết Như Lai đã thấu suốt tất cả các pháp, nhưng mới chỉ nói về phần "biệt tướng" của các pháp chứ chưa nói đến phần "tổng tướng". Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu Phật biết mà có thể nói được, thì các vị Thanh văn, Duyên giác, căn cứ vào chỗ hiểu biết cũng có thể nói được. Vậy tại sao các vị đó không thể xưng là Phật? Phật đáp: –Không thể được. Là vì Phật biết và nói đầy đủ cả hai phần "tánh", "tướng" của các pháp; còn các vị Thanh văn, Duyên giác, tuy cũng biết và nói được, nhưng không thể nói hết "tánh", "tướng" của các pháp. Lại nữa, Phật hiểu thấu và có thể đặt tên cho các pháp, nhưng Thanh văn, Duyên giác thì không thể làm được. Lại nữa, Phật chứng được vô biên pháp và có thể nói mãi không cùng, nhưng hàng Nhị thừa thì không thể làm được. Lại nữa, có pháp "cộng" và "bất cộng" tức điều mà hàng Nhị thừa đạt được thì Phật cũng có, nhưng điều mà Phật có thì Nhị thừa chưa đạt được. Điều mà Thanh văn đã chứng được thì Tam thừa đều biết; điều mà Duyên giác đã chứng được thì Thanh văn và Bồ-tát

cũng đều biết. Nhưng điều mà Phật đã chứng thì hàng Nhị thừa không thể biết được, chỉ Phật tự biết mà thôi. Lại nữa, tráp lớn thì nắp phải lớn, pháp lớn thì pháp tướng cũng vô cùng. Trí của Phật là trí không có

bờ bến, cho nên Phật mới có thể thấu suốt và thuyết minh được tất cả các pháp, còn trí của hàng Nhị thừa là trí có hạn, nên Nhị thừa không thể thấu suốt được "tánh", "tướng" của tất cả pháp. Lại nữa, Phật đã chứng được cái trí biết như thực, nghĩa là đối với "tánh", "tướng", của pháp, Phật đều hiểu rõ như thực, còn hàng Nhị thừa hiểu các pháp chưa được hoàn toàn, chưa thấu suốt đến căn nguyên của "tánh" và "tướng", bởi thế không thể nói là đã chứng được trí biết như thực. Căn cứ vào những nghĩa nói trên, nên biết hàng Nhị thừa không thể xưng là Phật. Hơn nữa, chữ Phật không thể dùng tiếng mà truyền được, cũng không thể lấy nghĩa mà hiểu được. Còn thế nào gọi là Thế Tôn? Là người có thể biết hết các pháp đối trị. Lại nữa, ở thế gian ngôn ngữ bất đồng, nên người đời không thể hiểu được nhau, nhưng Phật thì hiểu biết tất cả, nên gọi Phật là Thế Tôn. Lại nữa, như Sắc Tỳ-kheo nói, Nhị thừa phàm phu tự nói đã chứng được các pháp, hoặc ưa nơi tĩnh mịch, hoặc thích thiền định, hay các pháp khác, nhưng giữ bí mật. Phật thì không thế, Phật chứng được các pháp, đều rủ lòng Từ bi mà nói cho người khác nghe. Lại nữa, vì Phật đã diệt trừ được tham, sân và si, nên gọi là Thế Tôn. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nhị thừa cũng đã phá trừ được tham, sân, si, tại sao lại không thể xưng là Thế Tôn? Phật trả lời: –Không thể được, vì hàng Nhị thừa đối với tâm Đại thừa còn có khi thoái chuyển, Phật thì không bao giờ thoái chuyển. Thoái chuyển có ba: một là, đã chứng

quả mà còn thoái chuyển; hai là chưa chứng quả mà đã thoái chuyển; ba là đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển. Đã chứng quả mà thoái chuyển là nói ngôi Thanh văn đã chứng được quả thứ ba mà còn có khi thoái chuyển. Chỉ có quả thứ tư là A-la-hán thì mới không còn thoái chuyển. Còn như Trung thừa, nếu đã tu tập đủ trăm kiếp, đã thấu suốt được mười hai nhân duyên, thành Bích-chi-phật, cũng không còn thoái chuyển nữa. Nhưng nếu là Hạ thừa, chứng quả thứ ba mà thành Bích-chi-phật, thì vẫn còn thoái chuyển. Còn như Phật đã chứng quả rồi, thì không bao giờ thoái chuyển. Chưa chứng quả mà thoái chuyển là nói những người của ba thừa, chưa chứng được quả mà đã thoái chuyển; nếu tu ba nghiệp của Tỳ-kheo mà lười biếng, hoặc tu tập các pháp không chăm chỉ, thì gọi là chưa chứng quả đã thoái chuyển. Đã tới chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển là nói những người đã chứng được các pháp, mà không ứng dụng hiện tiền, như mười lực của Phật và mười trí của Tiểu thừa, mà chỉ ứng dụng một; hay phải tụng mười vạn lời kinh, mà không tụng, đều gọi là đã đến chỗ ứng dụng mà thoái chuyển. Thanh văn chưa chứng quả mà thoái chuyển; Duyên giác và Độc giác cũng có khi chưa chứng quả mà thoái chuyển, nhưng Phật thì không bao giờ thế. Đối với tất cả hạnh tu tập, không bao giờ Phật biếng nhác. Nhị thừa đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển, chứ Phật thì nhất định không thế. Như trong mười lực mà chỉ dùng một, bỏ chín, nên gọi là thoái chuyển. Hoặc

như tụng hai mươi vạn lời kinh, mà người phàm sức yếu, phải tụng một, hai ngày mới xong, nhưng Phật có thể tụng xong ngay. Thập lực cũng vậy, dùng là dùng liền, không

bị ngăn lại. Cho nên Phật không có sự không dùng mà bỏ. Lại nói, Phật không có sự không dùng mà bỏ như khi mặc áo Nê-hoàn tăng, không phải thời không mặc. Như khi ở trong pháp của thế gian, khi làm bất cứ việc gì đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Việc gì có lợi thì làm, không có lợi thì bỏ, chứ không phải không làm được, bởi thế Phật không có sự không dùng mà thoái chuyển. Tuy Phật hiểu suốt các pháp mà nói không nhất định là vì ý Phật sâu xa, không thể nghĩ bàn được. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Tại sao Thanh văn đã chứng đến quả A-na-hàm còn thoái chuyển? Nhưng chứng quả A-la-hán thì không thoái chuyển? Phật đáp: –Quả A-na-hàm đã từng được, cho nên thoái chuyển, còn quả A-la-hán thì chưa từng được, cho nên không thoái chuyển. Cũng như người đang đói mà được ăn cỗ ngon, không bao giờ quên, ý nghĩa quả A-la-hán cũng vậy. Lại nữa, A-la-hán lấy nhẫn nhục làm đạo vô ngại, lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, còn A-na-hàm lấy trí tuệ làm đạo vô ngại và cũng lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, cho nên còn thoái chuyển. Lại nữa, A-la-hán lấy sự hiểu biết như thực làm đạo, cho nên không thoái chuyển, còn A-na-hàm thì lấy tư duy làm đạo, cho nên còn thoái chuyển. A-na-hàm còn phải diệt hết vọng tưởng và trừ

sạch tham, sân, si, ái, tà kiến, vô minh, nên còn bị tư duy bức bách. Nhưng A-la-hán thì tìm hiểu đạo như thực, nên không bị bức bách, vì đạo như thực không có bức bách. Thấy rõ được phần "vọng" tức thấy lý "chân". Như không cần tư duy nên không bị bức bách và vì thế không thoái chuyển. Lại nữa, cái trí tìm hiểu của A-la-hán lớn mạnh như rường cột, chống đỡ mọi vật, nên không thoái; còn cái trí tư duy của A-na-hàm nhỏ, yếu, cho nên còn thoái. Lại nữa, A-la-hán dùng tâm nhẫn nhục và trí tuệ để diệt trừ chín phẩm Tư hoặc ở dục giới, bảy mươi hai phẩm Kiết phược ở Sắc giới, cho nên không còn thoái chuyển. Căn cứ vào các nghĩa nói trên, nên biết Nhị thừa không thể xưng là Thế Tôn, mà chỉ có Phật mới được xưng là Thế Tôn. Lại nữa, Phật đã dứt hết tập khí, nhưng Nhị thừa chưa đoạn hết. Chẳng hạn như Ngưu Ty Tỳ-kheo thường nhai như bò, là vì năm trăm kiếp trước phải đọa làm kiếp bò, bây giờ mới được làm người, nhưng cái tập khí nhai như trâu vẫn chưa hết. Hoặc như vị Tỳkheo kia, tuy đã chứng quả A-la-hán, nhưng thường thích soi gương, là vì những kiếp trước phải làm thân kỹ nữ. Lại như một vị Tỳ-kheo kia, thường hay bám lấy bao lơn mà đánh đu, nhảy, nhót, là vì trong những kiếp trước bị đọa làm loài khỉ. Bởi thế Nhị thừa không được xưng là Thế Tôn. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Phàm đầu nơi các kinh thường có câu: "Chính tôi được nghe…" là lời của Tôn giả A-nan nói khi Phật

còn ở đời thuyết pháp, Tôn giả được nghe như vậy. Nhưng khi hai mươi năm sau khi Phật thành đạo, Tôn giả A-nan mới theo Phật xuất gia. Như vậy, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, Tôn giả A-nan không được nghe. Thế mà, tại sao sau khi Phật nhập Niết-bàn, lúc kết tập Pháp tạng, lại nói: "Chính tôi được nghe…". Phật trả lời: –Khi Tôn giả A-nan theo Như Lai xuất gia, có xin bốn điều như sau: -Điều thứ nhất, xin Phật đừng cho con áo cũ của Phật. -Điều thứ hai, xin Phật đừng bảo người khác mời con đi phó trai; con vì cầu pháp, vì cung kính Phật mà theo hầu bên Phật, chứ không phải vì cơm áo. -Điều thứ ba, sớm tối, các vị Tỳ-kheo muốn được thấy Phật thì cứ việc vào, chứ con không phải vào bạch trước. -Điều thứ tư, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, con không được nghe, xin Phật nói lại hết cho con nghe. Theo điều nguyện thứ tư, Như

Lai phải truyền nhờ chư Thiên nói lại cho Tôn giả A-nan nghe. Cũng có khi Như Lai dùng tâm Tam-muội truyền cho Tôn giả Anan; cũng có khi A-nan nghe lại từ các vị Tỳ-kheo khác. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: –Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, làm thế nào có thể nói lại hết được? Phật đáp: –Như Lai dùng Trí phương tiện thiện xảo, cho nên

trong một câu có thể diễn ra vô lượng pháp và trong vô lượng pháp có thể chỉ tóm tắt trong một câu. Nhờ lợi căn, Phật chỉ nói qua phần chính yếu của tám vạn pháp là Tôn giả A-nan thông hiểu hết cả. Như một cái cây gồm có gốc, thân cây và cành, lá, gọi là một cây, Phật vì chúng sinh, trước sau nói pháp, gọi là một Tạng, như thế gọi là tám vạn pháp. Lại nói, Phật ngồi ở một nơi nói pháp, gọi là một Tạng, như thế là tám vạn pháp. Lại như mười sáu chữ, là nửa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như một bài kệ dài hay ngắn, có bốn mươi hai chữ, cũng là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như nửa tháng một lần tụng giới, cũng gọi là một Tạng, như thế cũng là tám vạn pháp. Lại như Phật tự nói, có tám vạn trần lao, thì có tám vạn pháp tạng để đối trị, cho nên gọi là tám vạn pháp tạng. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: –Tại sao Kinh, Luận không lấy Phật làm đầu, mà chỉ có Luật tạng là lấy Phật làm đầu? Phật trả lời; –Vì Luật là hơn hết và chỉ có Phật mới chế ra Luật mà thôi. Còn trong Kinh cũng có khi các đệ tử thuyết pháp, cũng có khi Thiên, Long, Bát bộ, do Phật hỏi mà nói pháp, chẳng hạn như Thích Đề-hoàn Nhân tự nói rằng bố thí là đệ nhất, vì ông đã nhờ công đức bố thí mà được làm vua cõi Trời, được mọi điều như ý và Phật cũng cho như thế là phải. Lại cũng có khi Phật hóa thành các vị Hóa Phật thuyết pháp. Nhưng Luật thì không thế. Tất cả luật nghi đều do Phật thuyết, vì thế nên lấy Phật làm đầu.

Lại nữa, Kinh thì tùy nơi thuyết pháp mà có quyết định, Luật thì không thế. Nếu phạm luật trong nhà thì không được kết tội ngay, mà phải ra ngoài để kết tội. Nếu ở nhà người bạch y làm điều gì phạm luật, phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu ở trong làng xóm mà phạm luật, cũng phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu trong năm chúng xuất gia mà làm điều phạm luật, thì phải ra trước các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà buộc tội, bởi thế cho nên lấy Phật làm đầu... Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Tam quy lấy gì làm tánh? Phật trả lời: –Tam quy lấy chỗ người khác dạy làm tánh, hoặc không theo người dạy làm tánh. Nghĩa là: khi thọ Tam quy, quỳ gối, chắp tay, miệng theo người xướng, mà đọc Tam quy, thế là cả thân, khẩu đều theo người dạy, bởi vậy lấy chỗ người dạy làm tánh. Nếu dốc lòng chí kính, tự mình xướng hiệu Tam quy, không theo người khác, thế gọi là lấy chỗ không theo người khác làm tánh. Lại nữa, Tam quy lấy thân, khẩu, ý, tức tam nghiệp, làm tánh. Hoặc Tam quy là Ngũ ấm thiện; lấy Ngũ ấm thiện của chúng sinh làm Tam quy. Lấy Tam bảo làm chỗ quy hướng, chỗ quy hướng là nói theo nghĩa cứu hộ. Ví như người có tội đối với nhà vua, chạy sang nước khác để cầu cứu. Vua nước ấy nói: “Nếu nhà ngươi muốn được che chở, thì không được ra khỏi nước ta và không được trái lệnh ta”. Chúng sinh cũng vậy, vốn thuộc dòng ma, có tội sinh tử, quay về Tam bảo để cầu sự cứu hộ. Nếu thành tâm tin tưởng nơi Tam bảo,

không tin chỗ khác, không trái lời Phật dạy, thì Ma vương tà ác chẳng làm gì được. Ngày trước có một con chim bồ câu bị một con chim cắt đuổi, bay đến núp sau bóng Tôn giả Xá-lợiphất, nhưng vẫn thấy sợ hãi. Sau nó bay đến núp nơi bóng Như Lai thì thấy thản nhiên, không còn sợ; dù cho bể lớn có thể dời đi, nhưng con chim đó thì bất động. Sở dĩ thế là vì Phật có đức đại từ, đại bi, còn Tôn giả Xá-lợi-phất chưa có được lòng đại từ bi; Phật đã hết tập khí, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn. Phật đã tu hạnh Bồ-tát trong ba a-tăng-kỳ kiếp, Tôn giả Xá-lợiphất mới tu tập khổ hạnh trong sáu mươi kiếp. Do đó, chim bồ câu núp bóng Tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn sợ hãi, mà núp bóng Phật thì thản nhiên không còn sợ. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu nói quy y Tam bảo thì diệt trừ được tội ác, lòng được yên vui, thì sao Đề-bà-đạt-đa cũng quy y Tam bảo, tín tâm xuất gia, thọ giới cụ túc, mà còn phạm tội tam nghịch, đến nỗi phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ? Phật đáp: –Nói cứu hộ là cứu những người còn có thể cứu được mà thôi. Tội ác của Đề-bà-đạt-đa quá sâu nặng, hơn nữa, lại vì định nghiệp nên khó cứu nổi. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu người tội nặng mà Phật không thể cứu được thì người không có tội, không cần Phật cứu. Vậy tại sao lại nói Tam bảo có sức cứu hộ? Phật đáp: –Đề-bà-đạt-đa tuy quy y Tam bảo, nhưng tâm

không thành thật, không đủ Tam quy, thường ham danh lợi, tự cho mình là người hiểu biết tất cả, cạnh tranh với Phật, cho nên Tam bảo dù có sức lớn, cũng không thể cứu nổi. Như vua A-xà-thế, tuy phạm tội nghịch, đáng phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ, nhưng nhờ lòng chí thành, biết cầu Phật ăn năn, nên giảm tội A-tỳ, chỉ phải đọa vào địa ngục Hắc thằng, cũng như những tội nhân khác, chỉ trong bảy ngày đều được thoát tội. Đó là nhờ sức cứu độ của Tam bảo. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi: –Nếu tội của Đề-bà-đạt-đa không thể cứu được thì tại sao có Kinh nói: "Nếu người nào quy y Phật, không phải sa vào ba đường ác", là nghĩa gì? Phật trả lời: –Nhờ có quy y Tam bảo nên dù phải vào địa ngục A-tỳ, nhưng Đề-bà-đạt-đa cũng bớt phần khổ cực và cũng có lúc được tạm nghỉ. Lại như có người ở trong rừng núi, hay chỗ hoang vắng đáng sợ, nếu họ tưởng niệm đến công đức của Phật, thì sự rùng rợn sẽ tiêu tan. Như thế thì sự quy y Tam bảo không phải là vô ích. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Trong Tứ đế thì Tam bảo thay thế cho đế nào? Trong hai mươi hai căn thì Tam bảo thay cho căn nào? Trong mười tám giới, Tam bảo thay cho giới nào? Trong mười hai nhập, năm ấm, Tam bảo thay cho nhập nào, ấm nào? Phật đáp: –Trong Tứ đế thì Tam bảo thay cho Diệt đế và một phần Đạo đế. Trong hai mươi hai căn, Tam bảo thay cho ba căn, tức là căn chưa biết, căn biết rồi và căn

muốn biết. Trong mười tám giới, Tam bảo thay cho ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới. Trong mười hai nhập, Tam bảo thay cho ý nhập và pháp nhập. Trong năm ấm, Tam bảo thay cho năm ấm vô lậu. Trong Tứ đế, Phật bảo thay cho phần Đạo đế, Pháp bảo thay cho Diệt đế và Tăng bảo cũng thay cho một phần Đạo đế. Trong hai mươi hai căn, Phật bảo thay cho căn muốn biết; Pháp bảo vì là Diệt đế vô vi nên không thay cho căn nào. Còn Tăng bảo thay cho ba căn vô lậu. Trong mười tám giới, Phật bảo thay cho một phần ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới; Pháp bảo thay cho một phần pháp trần giới; Tăng bảo thay cho một phần ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới. Trong mười hai nhập, Phật bảo thay cho một phần ý căn nhập và pháp trần nhập; Pháp bảo thay cho một phần pháp trần nhập, Tăng bảo cũng thay một phần ý căn nhập và pháp

trần nhập. Trong năm ấm, Phật bảo thay cho một phần năm ấm vô lậu, Pháp bảo thì không thay cho năm ấm, vì năm ấm thuộc về hữu vi, còn Pháp bảo thuộc về vô vi. Tăng bảo thay cho một phần năm ấm vô lậu. Hỏi: –Quy y Phật là quy y Phật Thích-ca Văn hay quy y Phật cả ba đời? Phật trả lời: –Quy y Phật ba đời, vì Pháp thân của Phật cùng một thể, cho nên quy y một Đức Phật tức là quy y chư Phật ở ba đời. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu nói quy y chư Phật ba đời, thì tại sao các

người ở cõi trời, mỗi người đều tự xưng là đệ tử của một Đức Phật trong bảy vị Phật. Chẳng hạn, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Ca-diếp, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Câu-lưu-tôn… Như vậy, thì chỉ nên nói là quy y một Đức Phật, chứ không nên nói là quy y chư Phật ba đời. Phật trả lời: –Không nên nói thế. Vì sao? Vì trong Kinh Tỳ-samôn nói: "Thiên vương Tỳ-sa-môn quy y Tam bảo, là quy y chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai". Theo nghĩa đó thì phải nói là quy y chư Phật ba đời. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu thế thì như các người nơi cõi trời kia đều tự nhận mình là đệ tử của một Đức Phật, nghĩa ấy như thế nào? Phật đáp: –Không thể căn cứ vào lời chư Thiên nói mà cho là nghĩa nhất định được. Chư Thiên nhận là quy y một Đức Phật, nhưng thật ra thì quy y chư Phật ở ba đời, song chỉ lấy một vị Phật đã xuất hiện nơi thế gian để chứng minh thôi. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Quy hướng vào đâu gọi là quy y Phật? Phật đáp: –Quy y Phật nghĩa là quay về với cái bản tánh chân như, đầy đủ trí tuệ công đức của mình. Ưu-ba-ly hỏi: –Như vậy thì quy y Sắc thân hay quy y Pháp thân? Phật trả lời: –Quy y Pháp thân chứ không quy y Sắc thân. Đừng

tưởng Sắc thân là Phật; nó chỉ là cái thân hư vọng mà thôi.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Nếu Sắc thân là hư vọng, không phải Phật, thì tại sao Đề-bà-đạt-đa làm cho thân Phật chảy máu, lại mắc tội nghịch lớn?

Phật trả lời:

–Sắc thân tuy là giả dối, nhưng là chỗ nương tựa của

Pháp thân, nghĩa là Pháp thân phải nương tựa vào Sắc thân; cho nên làm hại Sắc thân tức là làm hại thân Phật, vì thế mà phạm tội đại nghịch.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Nương tựa vào đâu gọi là quy y Pháp?

Phật đáp:

–Đoạn trừ tất cả dục vọng để hướng về Niết-bàn, thế gọi là quy y Pháp.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Như thế thì quy y sự vô dục của chính mình hay quy y sự vô dục của người khác?

Phật trả lời:

–Quy y sự vô dục của chính mình và cả sự vô dục của người, gọi là quy y Pháp.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Quy y Tăng là quy y vào đâu?

Phật đáp:

–Quy y Tăng là hướng về ruộng phúc tốt lành, nghĩa là hướng tới quả vị Thanh văn hữu học và vô học, đầy đủ công đức. Thế gọi là quy y Tăng.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Thế thì quy y Tục đế Tăng hay quy y Đệ nhất

nghĩa Tăng? Nếu quy y Đệ nhất nghĩa Tăng thì vì lẽ gì khi Phật trao truyền Tam quy cho hai người lái buôn là Đề-vị và Ba-lợi, Phật lại dặn họ: "Sau này có Tăng, các ngươi phải nên quy y." Sao Phật không nói: "Đệ nhất nghĩa Tăng thường ở thế gian, các ngươi phải nên quy y"? Phật trả lời: –Vì Tục đế Tăng là chỗ nương dựa của Đệ nhất nghĩa Tăng, cho nên Như Lai mới nói sau này có Tăng, họ phải quy y. Và Như Lai nói thế cũng là vì muốn tôn trọng Tục đế Tăng. Phật tự nói: Tất cả trong chúng thì Phật là đệ nhất. Giống như từ sữa mà có ra lạc, từ lạc có ra tô, từ tô có ra đề hồ, đề hồ là chất đặc biệt hơn hết. Chúng đệ tử Phật cũng lại như vậy. Nếu có chúng Tăng tập họp ở trong đó thì bốn phương bốn hướng được ruộng phúc vô thượng. Cho nên trong tất cả chín mươi sáu loại thì Tăng là tối tôn tối thượng không ai bì kịp. Vì vậy nói sau này có Tăng hai vị ấy nên quy y. Chớ làm tổn thương nghĩa chân chánh. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Pháp, mà Tăng cũng là Pháp, như thế là chỉ có một Pháp, chứ không có gì sai khác? Phật trả lời: –Tuy là một Pháp, nhưng theo nghĩa mà nói thì có khác nhau. Chẳng hạn, nói về Tam bảo thì Vô sư trí, quả vị Vô học và tất cả công đức là Phật bảo; Diệt đế vô vi là Pháp bảo. Công đức, trí tuệ, của quả vị Thanh văn hữu học và vô học là Tăng bảo. Nói về Pháp, thì Trí vô sư và Pháp vô học là Phật

bảo; Diệt đế vô vi, không phải pháp hữu học, cũng không phải pháp vô học, là Pháp bảo. Thanh văn hữu học và vô học là Tăng bảo. Nói về căn thì Phật là căn vô tri, Pháp thì không căn, Tăng là ba căn vô lậu. Nói về Tứ đế thì Phật là một phần của Đạo đế, Pháp là Diệt đế, Tăng là một phần Đạo đế. Nói về quả Sa-môn thì Phật là Sa-môn, Pháp bảo là quả Sa-môn; Tăng là Samôn. Nói về Bà-la-môn thì Phật là Bà-la-môn, Tăng cũng là Bà-la-môn, Pháp bảo là quả Bà-la-môn. Nói về phạm hạnh thì Phật là phạm hạnh, Pháp bảo là quả phạm hạnh, Tăng là phạm hạnh. Nói về nhân quả thì Phật là nhân, Pháp bảo là quả, Tăng là nhân, Pháp bảo cũng là quả. Nói về Đạo quả thì Phật là Đạo, Pháp bảo là quả, Tăng là Đạo, Pháp bảo cũng là quả. Phật lấy Pháp làm thầy, Phật do Pháp sinh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà trụ. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Phật lấy pháp làm thầy vậy tại sao trong Tam bảo lại không xưng Pháp trước? Phật đáp: –Pháp tuy là thầy, nhưng nếu không có Phật thì Pháp không được mở rộng, bởi vậy thường nói: "Đạo do người mở mang", cho nên Phật đứng đầu Tam bảo là thế. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Bạch Thế Tôn, nếu khi thọ Tam quy, xưng Pháp trước rồi sau mới xưng Phật, có được không? Phật trả lời: –Nếu người không hiểu biết, đọc không theo thứ tự, họ không mắc tội, cũng thành Tam quy được. Nhưng

nếu người hiểu biết, mà cố tình đọc sai thứ lớp thì phải mắc tội và không thể thành Tam quy được. Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu chỉ xưng Phật và Pháp, mà không xưng Tăng, có thành Tam quy không? Hoặc xưng Pháp và Tăng mà không xưng Phật, có thành Tam quy không? Hay chỉ xưng Phật và Tăng mà không xưng Pháp, có thành Tam quy không? Phật đáp: –Tất cả đều không thành Tam quy, vì không đủ Tam bảo. Ưu-ba-ly

hỏi: –Nếu không thọ Tam quy mà thọ ngay Ngũ giới, có được không? Hoặc không thọ Tam quy mà thọ ngay Bát giới, có thành không? Hay không thọ Tam quy có được thọ Thập giới chăng? Nếu không bạch Tứ Yếtma, có được thọ giới Cụ túc không? Phật trả lời: –Tất cả đều không được. Nếu muốn thọ Ngũ giới, trước phải thọ Tam quy. Thọ Tam quy xong, mới được thọ Ngũ giới. Sở dĩ phải nói tên của năm giới là vì muốn cho người thọ biết rõ tên các giới, cũng như bạch bốn lần Yết-ma rồi mới được thọ giới Cụ túc. Còn phải nói đến bốn Y, bốn Đọa và mười ba Tăng tàn, cũng là vì muốn cho người thọ giới biết rõ. Thọ Tam quy xong, nói đến giới sát,... bấy giờ mới được giới. Nếu một giới giữ được thì năm giới cũng có thể giữ được, bởi thế nói một giới mà gồm được cả năm giới. Hơn nữa, trong năm giới phân biệt rõ ràng, nên tự ý phát nguyện thọ cả năm giới. Nói thọ năm giới rồi sau được giới, song

trong tất cả thuyết nói trên, đều phải thọ Tam quy rồi mới thọ Ngũ giới, như thế mới đúng nghĩa. Giống như đã bạch Tứ Yết-ma thọ tám giới thọ mười giới hay năm giới như trước đã nói. Ưu-ba-ly hỏi: –Như một người Ưu-bà-tắc trước đã thọ Tam quy rồi sau nếu muốn thọ năm giới, tám giới hoặc mười giới, thì có cần phải thọ lại Tam quy nữa không? Phật đáp: –Không cần phải thọ Tam quy nữa cũng được các giới, vì trước đã thọ Tam quy rồi. Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu trước không thọ Tam quy mà bạch ngay Tứ Yết-ma, thì có được giới Cụ túc không? Phật đáp: –Nếu thọ năm giới, tám giới và mười giới, thì trước cần phải thọ Tam quy rồi sau mới thọ các giới đó, mới thành giới. Nhưng nếu thọ giới Cụ túc thì cần phải bạch Tứ Yết-ma mới thành được giới, chứ không cần phải thọ Tam quy trước. Là vì công đức của giới Cụ túc rất sâu dầy, nếu không nhờ nhiều duyên sức khác thì không thành được giới. Cho nên Tam quy không đủ mà phải có ba vị Hòa thượng và bảy vị Tôn chứng, bạch Tứ Yết-ma mới thành được giới Cụ túc. Còn như năm giới, tám giới và mười giới ít công đức, cho nên, nếu thọ Tam quy là được thành giới, không cần nhiều duyên sức khác như giới Cụ túc. Ưu-ba-ly hỏi: –Tại sao khi thọ giới Cụ túc rồi chỉ nói đến bốn tội Đọa và mười ba tội Tăng tàn, mà không nói đến các

giới khác. Phật đáp: –Hai đoạn giới này là những giới nặng nhất, nếu phạm một giới, khó trở lại thanh tịnh được. Tuy có thể trở lại thanh tịnh được nhưng cách sám hối rất khó. Người phạm giới này phải hành pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa, sau phải đối trước hai mươi vị Tăng mà sám hối mới được thanh tịnh. Những giới đó rất khó giữ, còn các giới khác thì dễ giữ, cho nên không cần nói. Bởi thế chỉ nói đến hai đoạn bốn Đọa và mười ba Tăng tàn, mà không nói đến những đoạn khác. Ưu-ba-ly hỏi: –Giới Ba-la-đề-mộc-xoa này là Vô lậu giới hay Thiền giới? Phật đáp: –Không phải Vô lậu giới, cũng không phải Thiền giới. Nếu có Phật ra đời thì mới có giới Ba-la-đề-mộcxoa, nếu không có Phật ra đời thì không có. Nhưng Thiền giới và Vô lậu giới thì dù có Phật ra đời hay không, lúc nào cũng có cả. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa phải do người dạy, còn Thiền giới và Vô lậu giới không do người dạy. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa phải có người truyền, còn Thiền giới và Vô lậu giới không cần người truyền. Bất luận lúc ngủ hay thức, tâm thiện, tâm ác, hay tâm không thiện, không ác, lúc nào cũng có giới Ba-la-đề-mộc-xoa, nhưng Thiền giới và Vô lậu giới thì chỉ trong tâm Thiền định và tâm Vô lậu mới có, ngoài ra trong các tâm vọng niệm thì không có. Giới Ba-lađề-mộc-xoa chỉ có ở cõi Dục, còn giới Vô lậu và Thiền giới thì ở cõi Dục cũng như cõi Sắc, đều thành tựu cả.

Giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ đệ tử Phật mới có, nhưng Thiền giới thì không những đệ tử Phật mới có mà cả đệ tử ngoại đạo cũng có. Ưu-ba-ly hỏi: –Trong năm giới của Ưu-bà-tắc, thì giới nào là tánh tội, giới nào là tội cấm? Phật trả lời: –Bốn giới: sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là tánh tội, còn giới uống rượu là tội cấm. Vì uống rượu mà có thể phạm bốn giới kia, cho nên đặt thành giới thứ năm. Uống rượu là nguồn gốc của sự buông lung, càn rỡ, có thể dễ phạm vào bốn giới khác. Như trong thời Đức Phật Ca-diếp, có một người Ưu-bà-tắc, vì say rượu mà phạm gian với vợ người khác, bắt gà của người ta mà giết, đến khi người ta hỏi tại sao thì chối là không làm gì cả. Vì say rượu, có thể trong một lúc phá cả bốn giới. Lại vì say rượu, có thể gây nên bốn tội nghịch nữa, duy có tội phá hòa hợp Tăng là không thể gây được mà thôi. Tuy không phải là nghiệp của nhiều đời, nhưng vẫn phải chịu quả báo cuồng loạn, vì uống rượu nên tâm hồn trở nên mê man, rối loạn, cũng như người điên. Lại cũng vì say rượu mà bỏ mất chánh nghiệp, như: ngồi thiền, tụng kinh hoặc giúp đỡ công việc trong chúng. Do đó, uống rượu tuy không phải là tánh tội, nhưng cũng không khác gì tánh tội. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Trong năm giới của Ưu-bà-tắc thì chỉ đối với chúng sinh mới là giới cấm, không được phạm, hay đối với các loài không phải là chúng sinh, như Thiên, Long, Quỷ, Thần… cũng là giới cấm, không được

phạm? Lại nữa, đối với chúng sinh có thể giết hại, có thể trộm cướp, có thể tà dâm, có thể nói dối, thì mới là giới cấm, không được phạm. Còn đối với Thiên, Long, Quỷ, Thần, không phải là chúng sinh, không thể sát hại, không thể trộm cướp, không thể tà dâm, không thể nói dối, cũng là giới cấm, không được phạm sao? Phật trả lời: –Đối với chúng sinh thì có bốn giới đầu, đối với loài không phải là chúng sinh, thì có giới cấm thứ năm. Nhưng, nếu nói rộng ra, thì dù chúng sinh có thể giết hại, không thể giết hại, có thể trộm cướp, không thể trộm cướp, có thể tà dâm, không thể tà dâm, có thể nói dối, không thể nói dối, tất cả đều có giới cấm, không được phạm. Dưới từ địa ngục A-tỳ, trên từ cõi trời Phi phi tưởng và trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Như Lai, tất cả mọi loài có sinh mệnh, đều có giới cấm, không được phạm, vì ngay lúc thọ giới, tất cả không được sát hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối. Bởi vậy, tất cả chúng sinh đều có giới cấm. Cho nên, phàm thọ giới pháp, trước phải nói các giới cho người ta nghe, chỉ bày, giải thích cho người ta hiểu, để lượng sức mình xem có lãnh thọ được không, nếu được họ sẽ sinh lòng khao khát, do đó mới phát tâm tinh tấn mà tu trì. Còn phép thọ giới, thì tất cả chúng sinh đều có bốn giới và bốn giới này lại khác nhau, nên thành mười hai giới. Chẳng hạn, không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, mà nếu phạm vào bốn giới đó, đều do ba nguyên nhân: một là vì tham, hai là vì sân; ba là vì si. Như vậy thì ai ai cũng

có mười hai điều ác và nếu làm trái lại với mười hai điều ác ấy, thì thành được mười hai giới thiện. Tất cả mọi loài chúng sinh đều như thế, ví thử một trăm vạn hay ngàn vạn vị A-la-hán được vào Niết-bàn, thì từ vị La-hán đầu tiên cho đến vị La-hán cuối cùng, đều do công đức trì giới mà được thành tựu đạo quả. Nhưng đừng tưởng rằng các vị La-hán đã chứng quả thì các giới cũng không còn nữa đâu. Chẳng hạn đã thọ giới "không uống rượu" thì trọn đời không uống rượu và khi thọ giới đã phát nguyện, dù khắp trong ba ngàn thế giới có các thứ rượu, cũng không bao giờ uống. Giả sử không

còn ai làm rượu chăng nữa, thì giới đó vẫn thường được trì, mà không bị bỏ mất. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Một người trước khi thọ giới, đối với tất cả nữ nhân không phạm giới dâm, nhưng sau lại lấy vợ thì có phạm giới dâm không? Phật đáp: –Không phạm. Là vì đối với tất cả nữ nhân không được tà dâm, nhưng đây là vợ mình, thì không phải tà dâm, nên không phạm giới đó. Lấy nghĩa ấy mà suy ra, thì tất cả đều thế. Tám giới, mười giới, chúng sinh hay Thiên, Long, Quỷ, Thần, được giới cũng thế. Trong hai trăm năm mươi giới, thì hết thảy chúng sinh đều được bảy giới. Trong bảy giới này, phân biệt về nghĩa, thì có hai mươi mốt giới. Thí dụ: chúng sinh nào thân tạo ba điều ác và miệng tạo bốn, thành bảy điều ác, thì khi tạo những điều ác đó phải có đủ ba yếu tố: một là vì tham, hai là vì sân và ba là vì si. Do ba yếu tố đó mà gây nên

bảy điều ác, cho nên ba bảy thành hai mươi mốt giới ác. Nếu làm trái lại hai mươi mốt giới ác ấy thì thành được hai mươi mốt giới thiện. Một chúng sinh được hai mươi mốt giới tướng như thế thì tất cả chúng sinh khác cũng vậy. Lấy đó mà suy, thì trong một lúc có thể được vô lượng giới, nhưng không thể phạm hết các giới trong một lúc, song có thể xả tất cả giới trong một lúc. Nói về phép phá giới, nếu phá bốn giới nặng thì kể như mất giới, nếu phá giới rồi, sau thọ lại, cũng không được giới. Chẳng hạn như đã phá một giới nặng trong Bát trai giới, sau lại thọ tám giới, năm giới, mười giới, hoặc hai trăm năm mươi giới, thiền giới và giới vô lậu, hết thảy đều không được. Nếu trong năm giới mà phá hết bốn giới nặng rồi, sau có thọ tám giới, mười giới, giới Cụ túc, giới vô lậu hay thiền giới, đều không thành giới. Nếu phá cả năm giới rồi, muốn xả năm giới để thọ mười giới thì lại không thể được nữa. Nếu đã phá và xả năm giới, tám giới, mười giới, Cụ túc giới, Vô lậu giới và Thiền giới, hết thảy đều không được. Nếu đã phá những giới nặng trong mười giới và giới Cụ túc, muốn được giới lại nên xả giới để thọ lại, thì cũng như trong năm giới đã nói ở trên, nghĩa là không được. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Thiền giới, Vô lậu giới và Ba-la-đề-mộc-xoa, trong ba giới đó thì giới nào hơn hết? Phật đáp: –Ba-la-đề-mộc-xoa hơn hết. Là vì nếu Phật có ra đời thì mới có giới này còn Thiền giới và Vô lậu giới thì thời nào cũng có. Chỉ có loài người mới được thọ trì Ba-la-đề-mộc-xoa giới, còn Thiền giới và vô lậu giới

thì người cũng như Trời đều được cả. Đối với tất cả chúng sinh, phải sinh lòng thương xót, mới được thọ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, còn Thiền giới và Vô lậu giới thì không do lòng Từ bi cũng được. Sở dĩ duy trì được Phật pháp, là nhờ có bảy chúng; đạo quả của Tam thừa còn mãi ở thế gian, không bao giờ dứt, đều là nhờ lấy Ba-la-đề-mộc-xoa làm gốc. Thiền giới, Vô lậu giới thì không thế, cho nên trong ba cõi, Ba-la-đề-mộc-xoa giới là tôn quý hơn hết. Khi sắp thọ giới, bạch Tứ Yết-ma rồi là giới tướng đã thành tựu. Một niệm về giới tướng lúc ban đầu gọi là thiện nghiệp, cũng gọi là đạo nghiệp. Nhưng nếu có một niệm ban đầu rồi, sau mới có giới tướng, thì chỉ là thiện nghiệp thôi, chứ chưa phải là đạo nghiệp. Là vì một niệm về giới tướng lúc đầu, có đầy đủ hai phần "tư" và "nguyện" vì thế nên gọi là Tư đạo nghiệp. Trước lấy giới làm nhân, sau giới tướng tự nhiên phát sinh, cho nên gọi là thiện nghiệp mà không phải là đạo nghiệp. Chẳng hạn như một niệm về giới đầu tiên, có "giới tướng", "giới tánh" rồi sau lần lượt sinh ra các giới, nhưng chỉ có giới tánh mà không có giới tướng, cho nên một niệm về giới lúc đầu, cũng gọi là giới, cũng gọi là hạnh lành, hoặc gọi là luật nghi. Sau đó, các giới tiếp tục

phát sinh, thì cũng theo nghĩa ấy. Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Trong ba đời, thì đời nào được giới? Phật trả lời: –Ở hiện tại, chỉ một niệm là được giới, còn quá khứ và vị lai là pháp, chứ không phải chúng sinh, cho nên không được giới, hiện tại một niệm là chúng sinh, cho

nên được giới. Ưu-ba-ly hỏi: –Vậy thì ở trong tâm thiện mà được giới, hay trong tâm bất thiện, hoặc trong tâm vô ký, hay trong vô tâm mà được giới? Phật đáp: –Tất cả các thứ tâm ấy đều được cả. Trước hết phải lấy thiện tâm mà làm lễ Tăng, thỉnh cầu thầy Hòa thượng xin thọ đại giới, quỳ gối chắp tay, bạch Tứ Yếtma xong, thiện tâm vẫn tiếp tục, đến khi giới tướng được thành tựu, như thế gọi là trong thiện tâm mà được giới. Nếu lúc đầu lần lượt theo các pháp, thường sinh thiện tâm mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết-ma, thì lại phát khởi tâm tham dục, tâm sân hận và các niệm bất thiện, nếu trong lúc ấy mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong tâm bất thiện mà được giới, là vì phải nhờ sức thiện tâm mới được giới chứ không phải nhờ sức tâm bất thiện. Nếu lúc đầu, lấy thiện tâm mà nghe lời giảng dạy về giới luật, nhưng khi bạch Tứ Yết-ma lại buồn ngủ và nếu trong lúc ngủ ấy mà sinh các giới tướng, thì gọi là trong tâm vô ký mà được giới. Nếu lúc đầu lấy tâm thiện mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết-ma lại vào định Diệt tận, nếu ngay lúc đó mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong vô tâm mà được giới vậy. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Nếu người tại gia không thọ năm giới mà khi xuất gia, thọ ngay mười giới như thế có thành giới không? Phật trả lời: –Nếu như thế thì một lúc được hai loại giới: được

giới Ưu-bà-tắc và được giới Sa-di. Nếu không thọ năm giới, mười giới, mà thọ ngay hai trăm năm mươi giới thì một lúc được ba loại giới. Ưu-ba-ly lại hỏi: –Nếu thọ hai trăm năm mươi giới mà đồng thời được ba loại giới, thì hà tất phải theo thứ lớp trước thọ năm giới, kế thọ mười giới rồi mới thọ hai trăm năm mươi giới? Phật đáp: –Tuy có thể đồng thời được ba loại giới đấy, nhưng muốn được thấm nhuần Phật pháp, tất phải theo thứ lớp, trước thọ năm giới để điều phục lấy mình, khiến cho lòng tin tăng dần, kế thọ mười giới, thiện căn lại càng thêm sâu, sau mới thọ hai trăm năm mươi giới. Nếu theo thứ lớp như thế thì thâm nhập được Phật pháp, lòng tin vững bền, khó có thể thoái chuyển, cũng như khi đi vào bể lớn, dần dần tới chỗ thật sâu, vào bể Phật pháp cũng lại như thế. Nếu một lúc mà thọ ngay hai trăm năm mươi giới, thì không những đã mất thứ lớp mà lại còn phá uy nghi nữa. Hơn nữa, cũng có người chỉ thọ năm giới mà được đạo quả, cũng có người do thọ mười giới mà được đạo quả. Bởi những sự khác nhau ấy, cho nên Như Lai mới đặt ra thứ tự. Nếu trước thọ năm giới, kế thọ mười giới, thì trong lúc thọ mười giới cũng thành tựu hai loại giới, nghĩa là năm giới và mười giới. Thọ mười giới rồi, sau thọ đến hai trăm năm mươi giới, thì trong lúc thọ hai trăm năm mươi giới cũng thành tựu được ba loại giới, nghĩa là năm giới, mười giới và Cụ túc giới. Như trong phép thọ giới của bảy chúng, thì duy chỉ có giới bạch Tứ Yết-ma

là phải lần lượt ba thời mới được giới, còn sáu loại khác thì chỉ thọ một thời cũng được giới chứ không cần phải theo thứ lớp ba thời. Như một lúc thọ được ba loại giới, khi muốn xả giới, nếu nói: “Tôi là Sa-di, không phải Tỳ-kheo”, thì mất giới Cụ túc, chỉ còn hai loại giới, nghĩa là Ngũ giới và Thập giới. Nếu nói: “Tôi là Ưu-bà-tắc không phải

Sa-di", thì mất mười giới, chỉ còn năm giới. Nếu nói: "Tôi xả hết các giới tại gia, xuất gia. Tôi chỉ là người Ưu-bà-tắc quy y mà thôi", thì đồng thời mất hết ba loại giới, nhưng Tam quy vẫn còn. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu khi thọ giới, theo thứ lớp được ba loại giới, thì khi xả giới cũng phải theo thứ tự: chẳng hạn trước đã thọ giới Ưu-bà-tắc, sau xuất gia thọ Thập giới, có phải xả Ngũ giới trước không? Phật trả lời: –Không phải xả, chỉ mất danh Ưu-bà-tắc và tại gia, chứ không mất Ngũ giới. Mất danh Ưu-bà-tắc, được danh Sa-di, mất thứ lớp tại gia, được thứ lớp xuất gia. Ưu-ba-ly hỏi: –Sa-di khi thọ giới Cụ túc, có mất thập giới và ngũ giới không? Phật đáp: –Chỉ mất danh và thứ lớp, chứ không mất giới. Mất danh Sa-di, được danh Tỳ-kheo; mất thứ lớp Sa-di, được thứ lớp Tỳ-kheo, trước, sau vẫn là ba loại giới, nhưng tùy thời mà thay đổi tên gọi. Cũng như lá cây, mùa xuân, mùa hạ thì xanh, mùa thu thì vàng, mùa đông thì trắng, màu sắc có khác nhưng lá cây vẫn một. Giới cũng như thế, thường là một giới, nhưng tùy thời

mà có những tên gọi khác nhau. Hay cũng như sữa, để lâu thành váng sữa và sau thành sữa đặc, tùy thời có khác, nhưng vẫn là sữa. Giới cũng vậy, tuy là có ba loại khác nhau, nhưng giới vẫn là một. Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Phàm thọ giới Ưu-bà-tắc, nếu người không đủ sức thọ cả năm giới, mà chỉ thọ một giới, hai giới hay bốn giới thôi, như thế có được không? Phật trả lời: –Không được. Ưu-ba-ly lại hỏi: –Nếu không được, thì tại sao lại có kinh nói "Thiểu phần Ưu-bà-tắc", "Đa phần Ưu-bà-tắc", "Mãn phần Ưu-bà-tắc" nghĩa đó là thế nào? Phật đáp: –Nói như thế là để minh định cái công đức trì giới nhiều hay ít, chứ không phải nói phép thọ giới như thế được. Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Năm giới chỉ thọ trì trong một ngày, hai ngày hay mười ngày, như thế có được không? Phật trả lời: –Không được. Phật chế giới đều có hạn định, nếu thọ năm giới, phải giữ trọn đời; nếu thọ tám giới, phải trì một ngày, một đêm, bởi thế không được. Phàm giới bạch Tứ Yết-ma, đều có thượng, trung, hạ. Năm giới là giới hạ phẩm; mười giới là giới trung phẩm, hai trăm năm mươi giới là giới thượng phẩm. Trong năm giới, cũng có ba phẩm, nếu phát tâm nhỏ mà thọ giới thì được giới hạ phẩm; nếu phát tâm vừa

mà thọ giới, thì được giới trung phẩm; nếu phát tâm lớn mà thọ giới, thì được giới thượng phẩm; mười giới, hai trăm năm mươi giới đều có ba phẩm, cũng như trong năm giới nói trên. Nếu phát tâm nhỏ mà được năm giới rồi, sau phát tâm vừa hay tâm lớn mà thọ mười giới, thì trước cũng được năm giới, chứ không thêm, không hơn. Từ giới thứ sáu cho đến giới "Quá giờ không ăn" nghĩa là ngoài năm giới, thì gọi là được "năm giới tăng thượng". Nếu trước phát tâm nhỏ mà được năm giới, thì cũng vẫn được năm giới hạ phẩm mà thôi. Lại như trước phát tâm nhỏ mà thọ năm giới, sau phát tâm vừa và tâm lớn mà thọ hai trăm năm mươi giới, thì trước cũng chỉ được năm giới, không thêm, không hơn. Ngoài năm giới ra, các giới khác cũng thế, nếu khi thọ giới mà tâm thêm lên, thì được giới tăng thượng. Lấy đó mà suy, thì giới Ba-la-đề-mộc-xoa không phải dễ được. Theo thứ tự mà nói, thì năm giới là hạ phẩm, mười giới là trung phẩm, hai trăm năm mươi giới gọi là thượng phẩm. Theo nghĩa đó mà suy, thì cũng có thể là: Nếu phát tâm lớn mà thọ năm giới, thì được giới thượng phẩm; nếu phát tâm vừa mà thọ mười giới, thì được giới trung phẩm; nếu phát tâm nhỏ mà thọ hai trăm năm mươi giới thì được giới hạ phẩm. Căn cứ vào đó thì biết rằng, tùy ở tâm, có lớn, vừa, nhỏ, mà được giới cũng có thượng, trung, hạ không giống nhau, không nhất định.

Nếu thỉnh thầy Hòa thượng, mà trong lúc thọ mười giới, Hòa thượng không đến thì cũng được giới. Nếu trong khi thọ mười giới, mà thầy Hòa thượng chết, hoặc

biết tin đã chết, thì thọ giới không được; nếu chết mà không biết thì thọ giới, được giới. Nếu trong lúc bạch Tứ Yết-ma thọ giới Cụ túc, mà thầy Hòa thượng vắng mặt, thì không được thọ giới; là vì không đủ Tăng số; nếu đủ Tăng số và có người thay mặt cho Hòa thượng, thì được thọ giới. Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Người Ưu-bà-tắc thọ năm giới, có được buôn bán không? Phật trả lời: –Được buôn bán, nhưng không được làm năm nghề sau đây: 1. Không được lấy việc buôn bán súc sinh làm nghề nghiệp. Nếu trước khi thọ giới, nhà có nuôi súc vật, được phép bán đi, nhưng không được bán cho nhà đồ tể. 2. Không được làm nghề buôn bán cung, tên, dao, kiếm, súng, đạn. Trước khi thọ giới, nếu có các thứ đó thì được bán đi. 3. Không được làm nghề bán rượu. Trước khi thọ giới, nếu có rượu thì được đem bán. 4. Không được ép dầu, sát hại côn trùng. Vì cách ép dầu ở nước Thiên trúc và nước Kế tân là: giã nhỏ hạt gai, đem chôn xuống đất mấy ngày, khi nào sinh ra nhiều trùng mới đem ra ép, để được nhiều dầu. Nhưng nếu xứ nào không làm theo cách ấy, thì ép dầu không phạm giới. 5. Không được làm nghề nhuộm năm sắc lớn, vì phải giết nhiều sâu bọ. Cách nhuộm màu sắc ở các nước Lạc-sa… phải giết nhiều côn trùng, bởi thế cấm

làm nghề nhuộm. Ưu-ba-ly lại hỏi Phật: –Phép thọ Bát quan trai, không được ăn quá ngọ. Nhưng không ăn quá ngọ là giới thứ chín, vậy tại sao không nói là Cửu quan trai, mà gọi là Bát quan trai? Phật đáp: –Phàm phép ăn chay là lấy sự không ăn quá ngọ làm thể. Tám giới cùng giúp đỡ cho thành cái "thể" của phép ăn chay, mà gọi là Trai pháp Bát chi, cho nên nói Tám giới mà không gọi là Chín giới. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Người thọ Bát quan trai giới, trong bảy chúng, họ thuộc chúng nào? Phật trả lời: –Tuy không thọ giới trọn đời, nhưng vì họ giữ giới trong một ngày một đêm; thì cũng có thể gọi là Ưu-bàtắc. Ưu-ba-ly lại hỏi: –Ngoài bảy chúng ra, có giới Ba-la-đề-mộc-xoa không? Phật đáp: –Có Bát trai giới đó. Lấy đấy mà suy, thì nếu thọ Bát trai giới, không thuộc vào bảy chúng. Phép thọ Bát trai giới, chỉ nói không sát sinh trong một ngày, một đêm thôi, ngoài ra không cấm. Cho nên đừng lầm lẫn với giới tướng trọn đời. Ưu-ba-ly hỏi: –Phép thọ Bát trai giới, có được thọ một lúc trong hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày không? Phật trả lời:

–Phật đã chế ra giới một ngày, một đêm, thì không được quá hạn. Nếu có sức thọ được thì một ngày xong rồi, lại lần lượt thọ lại, cứ như thế tùy sức nhiều hay ít, chứ đừng tính số ngày. Phàm thọ Bát trai pháp là phải theo người khác dạy, mới được thọ. Ưu-ba-ly hỏi: –Theo người nào mà thọ? Phật trả lời: –Theo người trong năm chúng xuất gia mà thọ. Đã thọ tám giới, mà đánh đập chúng sinh thì không được thanh tịnh. Tuy ngay hôm thọ giới, không đánh đập nhưng hôm sau mà đánh đập chúng sinh, cũng không được thanh tịnh. Nói tóm lại, nếu thân, khẩu, ý làm những việc trái uy nghi, tuy không phạm giới, nhưng cũng mất thanh tịnh. Nếu thân, khẩu thanh tịnh, nhưng tâm lại khởi lên những ý tưởng tham dục, sân hận và não hại, thì cũng không được thanh tịnh. Nếu thân, khẩu, ý ba nghiệp đều thanh tịnh, nhưng lại không tu sáu niệm thì cũng mất thanh tịnh. Thọ tám giới rồi, siêng tu sáu niệm, mới được gọi là trai pháp thanh

tịnh. Như làm đến vua cõi Diêm-phù-đề, giàu có tự tại, vàng bạc, của báu không thiếu thứ gì. Tuy có những công đức như thế, nhưng nếu đem chia ra làm mười sáu phần, thì công đức của vua Diêm-phù-đề không bằng một phần công đức giữ Bát quan trai giới được hoàn toàn thanh tịnh. Nếu người muốn thọ pháp Bát trai nhưng trước khi thọ, làm những điều phóng túng, như ham mê sắc dục, đàn địch, ca hát, ăn thịt uống rượu và bày mọi trò vui, phóng tâm làm những việc ấy rồi, sau mới thọ Bát trai

giới, như thế bất luận trước sau đều không thành trai giới. Nếu người trong tâm không định thọ giới Bát trai, mà làm các việc phóng túng ấy, sau gặp thiện tri thức dạy cho, liền thọ Bát trai giới, thì bất luận trước sau đều thành được trai giới. Nếu người muốn thọ Bát trai giới, mà gặp nhiều việc khó khăn, chướng ngại, không được tự tại, nhưng sau giải quyết xong các việc khó khăn, rồi thọ Bát trai giới, thì bất luận trước sau đều thành trai giới. Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu người muốn thọ có hạn, thí dụ chỉ thọ trai pháp ban ngày mà không thọ trai pháp ban đêm, hoặc chỉ thọ trai pháp ban đêm mà không thọ trai pháp ban ngày, như thế có được tám giới không? Phật trả lời: –Không được. Là vì Phật đặt ra trai pháp, cho thọ một ngày đêm đã có hạn định như vậy, không được làm sai. Ưu-ba-ly hỏi: –Nếu không được, thì tại sao trong luận Bì Cách nói: "Ức Nhĩ ở chỗ đồng không mông quạnh, thường thấy các loài quỷ đói chịu mọi tội khổ; hoặc ban ngày hưởng phúc, ban đêm chịu tội; hoặc ban đêm hưởng phúc, ban ngày phải chịu tội. Sở dĩ như thế là vì trước kia, khi họ làm người, ban ngày thì thọ giới pháp, ban đêm thì làm việc ác, hoặc ban đêm thì thọ giới pháp, ban ngày lại làm các hạnh chẳng lành", thì nghĩa ấy ra sao? Phật đáp: –Phàm làm nhân duyên kiếp trước, thì không thể

căn cứ vào lời nói đó được. Luận Bì Cách không phải là Kinh Luật, cho nên không thể căn cứ vào đó để định nghĩa xác thực được. Điều ấy có khi là Tôn giả Ca- chiên-diên, vì muốn độ cho Ức Nhĩ mà biến hiện như thế để hóa độ Ức Nhĩ, chứ không phải sự thực. Khi thọ trai rồi nếu muốn xả trai, không cần phải cầu năm chúng để xả. Khi muốn xả, chỉ cần đến nói một người là hôm nay xả trai, thế là trai đã được xả rồi. Nếu nói đến năm ngả, thì chỉ có loài người mới được giới Ba-la-đề-mộc-xoa, còn bốn ngả khác không được. Chẳng hạn chư Thiên cõi trời thì vì đắm đuối ham vui quá nên không được giới. Như trước kia, một hôm vì một đệ tử lâm bệnh, nên Tôn giả Đại Mục-kiền- liên phải lên cung trời Đao-lợi để tìm thầy thuốc Kỳ-bà xuống chữa. Khi lên tới nơi, Tôn giả Mục-kiền-liên thấy chư Thiên cõi trời đang vui chơi trong vườn Hoan lạc. Lúc đó, Mục-liên dừng lại bên đường nhưng không ai để ý đến cả. Sau Kỳ-bà ngoảnh lại trông thấy Mục- liên, liền giơ tay chào, rồi cỡi xe thẳng tới. Mục-liên tự nghĩ: "Người này trước kia vốn là đệ tử của ta. Nay được hưởng phúc báo ở cõi trời và vì quá đắm say thú vui nên không còn nhớ nữa". Nghĩ xong, liền dùng sức thần thông để chặn xe lại. Kỳ-bà xuống xe, làm lễ Mục- liên. Bấy giờ Mục-liên dùng mọi lời để trách móc. Kỳ- bà thưa: "Bạch Tôn giả Mục-liên, vì trước kia ở cõi người, tôi vốn là đệ tử của Đại đức, bởi thế mới giơ tay chào hỏi, chứ Tôn giả có thấy chư Thiên làm như thế không? Phàm đã sinh lên cõi trời, tâm người nào cũng đắm theo dục lạc, không được tự tại, cho nên mới thế". Bấy giờ, Mục-liên hỏi Kỳ-bà:

–Tôi có người đệ tử lâm bệnh, nên chữa trị theo cách nào? Kỳ-bà đáp: –Nên nhịn ăn là tốt hơn hết. Lại một hôm Tôn giả Mục-liên khuyên vua Thích Đề-hoàn Nhân, nói: –Phật ra đời khó gặp, tại sao Thiên chủ không luôn luôn gần gũi để cúng dường và cầu nghe chánh pháp? Thiên đế Thích muốn lãnh hội ý của Tôn giả Mụckiền-liên, nên sai một người sứ đến. Nhưng gọi hai ba lần mà người này không lại, vì họ có một người vợ và một nàng ca kỹ, ham mê tình dục, nên tuy là người cõi trời mà không tự cắt đứt được. Nhưng cuối cùng, thì không thể dừng được mà phải đến. Khi tới nơi, Thiên đế Thích mới hỏi nguyên do tại sao đến chậm, người ấy cứ thực tình thưa bày, nghĩa là vì quá say mê các thú vui, nên không đến ngay được. Nhân thế, Thiên đế Thích mới nói với Tôn giả Mục- liên: –Người ấy chỉ có một vợ và một nàng ca kỹ mà còn vui chơi đắm đuối, không tự dứt được, huống nữa là vua cõi trời, có rất nhiều cung điện, vô số Thiên nữ, các món thức ăn cõi trời, trăm mùi thơm ngon, trăm ngàn ca kỹ, ham mê, đắm đuối, nhìn về phía Đông, quên mất phía Tây, thì tự dứt sao được? Cho nên tuy biết rằng Phật ra đời là khó được gặp, chánh pháp khó được nghe, nhưng vì các thú vui trói buộc, mất hết tự tại, biết làm sao được? Phàm phép thọ giới là phải dùng tâm dũng mãnh, nguyện cắt đứt mọi duyên, sau mới được giới. Các

người ở cõi trời, lòng ham đắm dục lạc thì nhiều, sức thiện tâm lại yếu ớt, thì do đâu mà được giới? Các loài ngạ quỷ thì đói khát khổ sở, thân tâm bị thiêu đốt; các loài ở địa ngục thì chịu mọi sự hình phạt, đau đớn ê chề, tâm ý não loạn, cũng không nhờ đâu mà được giới. Còn các loài súc sinh thì nghiệp chướng sâu dày, ngu si tăm tối, không hiểu, không biết, nên cũng không thọ được giới. Tuy có nhiều chỗ trong kinh nói là Rồng cũng thọ Trai pháp, nhưng đó chỉ nói về thiện tâm, nghĩa là thọ tám giới trong một ngày, một đêm thì được công đức thiện tâm, chứ không được tám giới, là vì nghiệp chướng. Nếu nói về bốn cõi thiên hạ, chỉ có ba cõi thiên hạ là Diêm-phù-đề, Câu-da-ni, Phất-bà-đề và những người trên Hải Châu, khoảng giữa ba thiên hạ là được giới pháp. Như ở Câu-da-ni, thì Phật sai Tân-đầu-lư đến để truyền bá đạo pháp, thành lập bốn bộ chúng. Ở châu Phất-bà-đề cũng có Tỳ-kheo thi hành Phật sự và cũng có bốn bộ chúng. Duy chỉ cõi Uất-đơn-việt là không có Phật pháp và dĩ nhiên là không có giới. Vì ở đây phúc báo sung sướng quá và con người lại ngu si, nên không nhận lãnh được Phật pháp. Lại nữa, có bốn hạng người là: người nam, người nữ, hoàng môn và nhị căn. Trong bốn hạng ấy, chỉ có hai hạng: người nam, người nữ là được giới, còn hai hạng kia là hoàng môn và nhị căn, thì không được giới. Nhưng trong những hạng người nam và người nữ, nếu người nào giết cha mẹ, giết A-la-hán, làm cho thân Phật chảy máu, phá hoại chúng Tăng, làm nhơ Tỳ-kheo-ni, dứt hết căn lành và những kẻ giả mạo làm Tăng, những

kẻ không thể độ, tất cả những người như thế đều không được giới. Nói rộng ra thì phàm đã mến chuộng Phật pháp, bất luận là Trời, Rồng, Quỷ, Thần, hay ở cõi Uất-đơn-việt, hoặc hoàng môn, nhị căn, tất cả những loài phi nhân ấy, đều được thọ Tam quy vậy. Ưu-ba-ly hỏi: –Chư Phật ba đời, độ cho chúng sinh được thọ giới đều nhau hay hơn kém nhau? Phật đáp: –Không đều. Phàm nói đến giới, thì chỉ có các loài chúng sinh và phi chúng sinh mới được giới mà một vị Phật ra đời, hóa độ cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư. Đến Đức Phật sau ra đời, thì tất cả các

chúng sinh ấy đều không được giới. Như thế đủ biết, chư Phật chỗ được giới, đều không giống nhau. Chẳng hạn, như Phật Ca-diếp, độ cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư và Ngài cho hết thảy chúng sinh đó đều được giới. Nhưng đến Phật Thích-ca Văn, thì những chúng sinh ấy đều không được giới. Tuy nhiên, tất cả chư Phật đều có ba việc như nhau: Một là chứa góp công hạnh như nhau. Hai là Pháp thân như nhau. Ba là độ chúng sinh như nhau. Hết thảy chư Phật đều đã tu hạnh Bồ-tát qua ba a-tăng-kỳ kiếp, đều đã đầy đủ năm phần pháp thân, mười lực, Tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng và cũng đã độ cho vô số atăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư. Ưu-ba-ly hỏi: –Trong kinh thường nói, một Đức Phật ra đời, độ cho chín mươi na-do-tha chúng sinh vào Niết-bàn vô

dư, nay lại nói vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, là nghĩa thế nào? Phật trả lời: –Trong kinh nói, một Đức Phật ra đời, độ chín mươi na-do-tha chúng sinh là chỉ nói nhờ Phật mà từng ấy chúng sinh được độ. Còn có những chúng sinh, tự mình theo Phật mà được độ, hoặc nhờ các đệ tử của Phật mà được độ, hay nhờ giáo pháp của Phật mà được độ. Cho nên nói chín mươi na-do-tha chúng sinh là chỉ do nhờ chính Phật mà được độ. Nói tóm lại, hoặc nhờ Phật, nhờ đệ tử hay nhờ giáo pháp mà vô số a-tăng-kỳ chúng sinh đã được độ vào cõi Niết-bàn vô dư. Chư Phật ba đời đều có ba việc giống nhau, nhưng cách độ sinh, đắc giới thì khác nhau vậy. Ưu-ba-ly hỏi: –Các loài chúng sinh và chẳng phải chúng sinh đều được thọ ác luật nghi giới phải không? Phật đáp: –Chỉ có chúng sinh mới được thọ ác luật nghi giới, còn chẳng phải chúng sinh thì không được thọ. Nói một cách khác, chỉ có các loài có thể giết hại, được thọ ác giới, còn loài không thể giết hại, thì không được thọ, nhưng cũng có thể nói, chúng sinh hay sát hại hay chúng sinh không thể giết, đều được thọ ác giới. Chẳng hạn như người đồ tể giết dê, thường mang lòng giết chóc, ý lúc nào cũng nghĩ đến việc giết dê, giả sử có người ở cõi người hay cõi Trời không làm nghề giết chóc, nhưng vì phải lưu chuyển trong vòng thọ sinh, cũng có khi phải đọa làm kiếp dê. Cho nên tất cả chúng sinh đều có thể thọ ác giới. Trong mười hai ác luật nghi

cũng vậy.

Mười hai ác luật nghi là:

1. Nghề đồ tể.
2. Nghề bán nem.
3. Nghề nuôi heo.
4. Nuôi gà.
5. Bắt cá.
6. Săn bắn.
7. Bẫy chim.
8. Bắt trăn.
9. Bẫy rồng.
10. Làm nghề coi ngục.
11. Làm giặc.
12. Làm nghề đánh giặc thuê.

Đó là mười hai nghề ác luật nghi. Như người làm nghề nuôi tằm cũng là người không xa lìa ác luật nghi.

Có ba thời xả ác luật nghi giới: một là lúc chết; hai là lúc thọ luật nghi giới; ba là lúc thọ Tam quy. Thời thứ nhứt bỏ được ác giới; thời thứ hai và thứ ba thì được thiện giới.

Ưu-ba-ly hỏi:

–Khi người ta tạo ác giới, thì lúc nào xả thiện giới mà được ác giới?

Phật đáp:

–Lần đầu tiên nói: "Tôi là người đồ tể", thì bỏ mất thiện giới. Lần thứ hai, thứ ba nói: "Tôi là người đồ tể", liền được ác giới. Nói cách khác, tùy lúc bỏ thiện giới mà được ác giới. Nếu người tu thiện giới, tuy chưa nói mình là đồ tể, nhưng vì ham lợi, cùng với đồ tể làm việc giết hại, thì lúc ấy cũng phạm thiện giới rồi. Muốn

bỏ thiện giới mà cầu ác giới thì chỉ tự mình phát thệ là được, chứ không cần theo người khác dạy cho. Nếu muốn thọ ác luật nghi giới trong một ngày, hai ngày, cho đến mười ngày, hoặc một năm, hai năm cứ tùy theo chỗ tâm mình muốn lâu hay chóng thì đều được cả, là vì các pháp ác thuận theo dòng sinh tử, cho nên cứ tùy theo việc làm là được, chứ không như thiện luật nghi giới.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.